

## SO SÁNH ĐIỀU LỆ 2020 VÀ DỰ THẢO ĐIỀU LỆ 2021

STT	Điều khoản		Nội dung		Chú thích
	Điều Lệ 2020	Dự Thảo Điều Lệ 2021	Điều Lệ 2020	Dự Thảo Điều Lệ 2021	
1	Điểm e Khoản 1 Điều 1	Điểm e Khoản 1 Điều 1	Định nghĩa “Cổ đông lớn” là cổ đông <b>trực tiếp hoặc gián tiếp</b> sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty.	Định nghĩa “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty.	Sửa đổi tương ứng với Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng Khoán 2019. Theo đó, tiêu chí để xác định cổ đông lớn là tỷ lệ cổ phần mà cổ đông đó sở hữu (trực tiếp).
2	Điểm f Khoản 1 Điều 1	Điểm f Khoản 1 Điều 1	Định nghĩa “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác <b>từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công Ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.</b>	Định nghĩa “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.	Sửa đổi tương ứng với Khoản 5 Điều 4 và Điều 135 Luật Doanh Nghiệp 2020. Theo quy định về điều kiện trả cổ tức, cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công Ty sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính, trích lập các quỹ, bảo đảm thanh toán nợ.
3	-	Điều 4	-	Bổ sung quy định về trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật	Bổ sung tương ứng với Điều 13 Luật Doanh Nghiệp 2020.
4	Điều 4	Điều 5	Con dấu của Công Ty	Bổ sung thêm: “Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc <b>dấu dưới hình thức chữ ký số</b> theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử”.	Bổ sung tương ứng với Điều 43 Luật Doanh Nghiệp 2020.
5	Điều 8	Điều 8	Quyền và nghĩa vụ của Công Ty	Quyền và nghĩa vụ của Công Ty	Cập nhật nội dung tương ứng với Luật Chứng Khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

6	Điều 10	Điều 9	Vốn Điều Lệ	Bổ sung Phụ Lục 01 đính kèm Điều Lệ để thể hiện chi tiết mức Vốn Điều Lệ của Công Ty tại từng thời điểm.	-
7	Điều 11	Khoản 7 Điều 10	Chưa quy định về chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết.	Bổ sung thêm quy định về chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết.	Bổ sung tương ứng với Khoản 6 Điều 114 Luật Doanh Nghiệp 2020.
8	Khoản 2 Điều 13	Điều 12	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ <b>10%</b> tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn <b>liên tục 06 tháng</b> có quyền: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát;</li> <li>- Xem xét và trích lục biên bản, nghị quyết Hội Đồng Quản Trị, báo cáo tài chính, báo cáo của Ban Kiểm Soát;</li> <li>- Yêu cầu triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông...;</li> <li>- Yêu cầu Ban Kiểm Soát kiểm tra các vấn đề liên quan đến Công Ty.</li> </ul>	Bổ sung thêm quy định cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ <b>5%</b> tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem xét và trích lục biên bản, nghị quyết Hội Đồng Quản Trị, báo cáo tài chính, báo cáo của Ban Kiểm Soát;</li> <li>- Yêu cầu triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông...;</li> <li>- Yêu cầu Ban Kiểm Soát kiểm tra các vấn đề liên quan đến Công Ty.</li> </ul> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ <b>10%</b> tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền Đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát.</p> <p>Bổ quy định về điều kiện thời hạn sở hữu cổ phần tối thiểu để có quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát.</p>	Sửa đổi tương ứng với Điều 115 Luật Doanh Nghiệp 2020.
9	Điều 14	Điều 16	Chưa quy định về nghĩa vụ bảo mật thông tin của cổ đông.	Bổ sung nghĩa vụ của cổ đông là bảo mật thông tin được Công Ty cung cấp...	Bổ sung tương ứng với Điều 119 Luật Doanh Nghiệp 2020.
10	Điều 22 và 24	Điều 20	Hình thức tăng Vốn Điều Lệ: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chào bán thêm cổ phần;</li> <li>- Kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn hợp lệ khác;</li> <li>- Chuyển nợ thành vốn góp;</li> <li>- Chuyển đổi trái phiếu.</li> </ul> <p>Hình thức giảm Vốn Điều Lệ:</p>	Hình thức tăng Vốn Điều Lệ: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chào bán thêm chứng khoán ra công chúng;</li> <li>- Chào bán cổ phiếu riêng lẻ;</li> <li>- Chào bán, phát hành khác dẫn đến tăng Vốn Điều Lệ: phát hành cổ phiếu trả cổ tức, phát hành ESOP, chuyển đổi trái</li> </ul>	Sửa đổi, bổ sung tương ứng với các quy định mới của Luật Chứng Khoán 2019, Luật Doanh Nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mua lại cổ phần theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông để giảm Vốn Điều Lệ;</li> <li>- Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.</li> </ul> <p>Quy định mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ.</p>	<p>phiếu, thực hiện quyền của chứng quyền.</p> <p>Hình thức giảm Vốn Điều Lệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mua lại cổ phần theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông để giảm Vốn Điều Lệ;</li> <li>- Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông;</li> </ul> <p>Mua lại cổ phiếu trong trường hợp khác: mua lại ESOP, mua cổ phiếu lẻ..</p> <p>Bổ quy định mua lại cổ phiếu quỹ theo quyết định của Công Ty.</p> <p>Thẩm quyền quyết định:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng, giảm Vốn Điều Lệ: Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định.</li> <li>- Mua lại cổ phiếu trong trường hợp khác: Hội Đồng Quản Trị quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định.</li> </ul>	
11	Điều 25	Điều 23	Hội Đồng Quản Trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp gần nhất.	<p>Phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và chào bán trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt.</p> <p>Phương án chào bán trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền phải được Hội Đồng Quản Trị phê duyệt, nhưng phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp gần nhất.</p>	Sửa đổi, bổ sung tương ứng với các quy định mới của Luật Chứng Khoán 2019, Luật Doanh Nghiệp 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
12	Khoản 2 Điều 28	Khoản 2 Điều 26	Quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông	Bổ sung thêm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông bao gồm:	Bổ sung tương ứng với Điều 138 Luật Doanh Nghiệp 2020.

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát;</li> <li>- Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty; Quy chế hoạt động Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát.</li> </ul>	
13	-	Khoản 4 Điều 27	Chưa quy định nghĩa vụ báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông khi chưa thực hiện nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông.	Bổ sung thêm quy định: “Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông trước đó chưa được thực hiện, Hội Đồng Quản Trị phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại kỳ họp thường niên gần nhất”.	Bổ sung tương ứng với Khoản 2 Điều 272 ND 155/2020/ND-CP.
14	-	Khoản 6 Điều 28	Chưa quy định nghĩa vụ phải tham dự Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên của thành viên Hội Đồng Quản Trị và thành viên Ban Kiểm Soát.	Bổ sung thêm quy định: “Thành viên Hội Đồng Quản Trị và thành viên Ban Kiểm Soát phải tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp...”.	Bổ sung tương ứng với Khoản 4 Điều 273 ND 155/2020/ND-CP.
15	Khoản 1 Điều 30	Khoản 1 Điều 29	Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập không sớm hơn <b>05 ngày</b> trước ngày gửi giấy mời họp.	Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập không quá <b>10 ngày</b> trước ngày gửi giấy mời họp.	Sửa đổi tương ứng với Điều 141 Luật Doanh Nghiệp 2020.
16	Điều 31	Khoản 3 Điều 30	Chưa quy định trường hợp người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông từ chối đưa vấn đề được cổ đông kiến nghị vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.	Bổ sung thêm quy định trường hợp từ chối đưa vấn đề được cổ đông kiến nghị vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp, người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Sửa đổi tương ứng với Điều 142 Luật Doanh Nghiệp 2020.
17	Khoản 1 Điều 32	Khoản 1 Điều 31	Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <b>10 ngày</b> trước ngày khai mạc.	Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là <b>21 ngày</b> trước ngày khai mạc.	Sửa đổi tương ứng với Điều 143 Luật Doanh Nghiệp 2020.

18	Khoản 4 Điều 32	Khoản 4 Điều 31	Trường hợp Công Ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu hợp theo thông báo mời hợp có thể thay thế bằng đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty. Trường hợp này, thông báo mời hợp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và <b>Công Ty phải gửi tài liệu hợp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.</b>	Trường hợp Công Ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu hợp kèm theo thông báo mời hợp có thể thay thế bằng đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty. Trường hợp này, thông báo mời hợp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.	Sửa đổi tương ứng với Điều 143 Luật Doanh Nghiệp 2020. Trường hợp tài liệu hợp được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty thì Công Ty không có nghĩa vụ gửi tài liệu hợp cho cổ đông, kể cả khi cổ đông yêu cầu.
19	Khoản 1 Điều 34	Khoản 1 Điều 33	Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <b>ít nhất 51%</b> tổng số phiếu biểu quyết.	Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <b>trên 50%</b> tổng số phiếu biểu quyết.	Sửa đổi tương ứng với Điều 145 Luật Doanh Nghiệp 2020.
20	Điều 37	Điều 36	Ngoại trừ trường hợp Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được thông qua với tỷ lệ biểu quyết từ 65% trở lên và trường hợp bầu dồn phiếu được quy định tại Điều Lệ, trường hợp khác thì Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua với tỷ lệ biểu quyết <b>ít nhất 51%</b> .  Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua với tỷ lệ biểu quyết <b>ít nhất 51%</b> .	Ngoại trừ trường hợp Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được thông qua với tỷ lệ biểu quyết từ 65% trở lên và trường hợp bầu dồn phiếu được quy định tại Điều Lệ, trường hợp khác thì Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua với tỷ lệ biểu quyết <b>trên 50%</b> .  Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua với tỷ lệ biểu quyết <b>trên 50%</b> .  Bổ sung thêm trường hợp: Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua với tỷ lệ biểu quyết từ <b>75%</b> trở lên của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi.	Sửa đổi, bổ sung tương ứng với Điều 148 Luật Doanh Nghiệp 2020.
21	Khoản 2 Điều 42	Khoản 2 Điều 41	Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị	Bổ sung thêm quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị là:  - Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;	Bổ sung tương ứng với Điều 153 Luật Doanh Nghiệp 2020, Điều 278 ND 155/2020/NĐ-CP.

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty;</li> <li>- Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác;</li> <li>- Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công Ty;</li> <li>- Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Công Ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác của Công Ty.</li> </ul>	
22	Khoản 4 Điều 42	Khoản 5 Điều 41	Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội Đồng Quản Trị thông qua trái với quy định của pháp luật..., <b>cổ đông sở hữu cổ phần của Công Ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 (một) năm</b> có quyền yêu cầu Hội Đồng Quản Trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.	Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội Đồng Quản Trị thông qua trái với quy định của pháp luật..., <b>cổ đông của Công Ty</b> có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nêu trên.	
23	Khoản 1 Điều 43	Khoản 1 Điều 42	Tối thiểu <b>1/3</b> tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị phải là thành viên độc lập.	Tối thiểu <b>01 (một)</b> thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội Đồng Quản Trị từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên hoặc tối thiểu <b>02 (hai)</b> thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội Đồng Quản Trị từ 06 (sáu) đến 07 (bảy) thành viên.	Áp dụng quy định như đối với công ty niêm yết.
24	Khoản 2 Điều 43	Khoản 2 Điều 42	Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị không quá 05 (năm) năm; có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị không quá 05 (năm) năm; có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, <b>trừ trường hợp một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</b>	Bổ sung tương ứng với Khoản 2 Điều 154 Luật Doanh Nghiệp 2020.

25	Khoản 3 Điều 44	Khoản 3 Điều 43	Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị Không phải là người đang làm việc cho Công Ty, công ty con của Công Ty.	Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị Không phải là người đang làm việc cho Công Ty, <b>công ty mẹ</b> hoặc công ty con của Công Ty.	Bổ sung tương ứng với Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh Nghiệp 2020.
26	Khoản 2 Điều 46	Khoản 2 Điều 45	Thành viên Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội Đồng Quản Trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác <b>mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công Ty.</b>	Thành viên Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm báo cáo kịp thời và đầy đủ với Hội Đồng Quản Trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác. Bổ sung thêm: Báo cáo Hội Đồng Quản Trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội Đồng Quản Trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.	Sửa đổi, bổ sung tương ứng với Khoản 2 Điều 277 NB 155/2020/NĐ-CP
27	Điều 49	Điều 48	-	Bổ sung thêm: Trường hợp cần thiết theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị, nội dung một cuộc họp Hội Đồng Quản Trị có thể được lập thành nhiều biên bản với điều kiện tất cả các biên bản phải thể hiện được đầy đủ toàn bộ nội dung của cuộc họp đó.	Bổ sung nhằm bảo đảm phù hợp với nhu cầu bảo mật thông tin của Công Ty.
28	Khoản 1 Điều 53	Khoản 1 Điều 52	Hội Đồng Quản Trị <b>có thể</b> bổ nhiệm/tuyển dụng ít nhất 01 (một) người làm Người phụ trách quản trị Công Ty.	Hội Đồng Quản Trị <b>phải</b> bổ nhiệm/tuyển dụng ít nhất 01 (một) người làm Người phụ trách quản trị Công Ty.	Sửa đổi tương ứng với Điều 281 NB 155/2020/NĐ-CP.
29	Điểm r Khoản 1 Điều 66	Điều 54	Tổng Giám Đốc thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro của Công Ty.	Hội Đồng Quản Trị phải xây dựng hệ thống quản trị rủi ro của Công Ty.	Sửa đổi tương ứng với Điều 11 TT 121/2020/TT-BTC.
30	Khoản 1 Điều 59	Khoản 1 Điều 55	Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát.	Bổ sung thêm quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị là:	Bổ sung tương ứng với Điều 170 Luật Doanh Nghiệp

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông;</li> <li>- Đề xuất, kiến nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty...;</li> <li>- Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</li> </ul>	2020 và Điều 288 NB 155/2020/NĐ-CP.
31	Khoản 4 Điều 67	Khoản 4 Điều 67	Yêu cầu nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ.	Bổ sung thêm: Bố trí tối thiểu 01 nhân viên làm kiểm soát tuân thủ.	Bổ sung tương ứng với Điều 12 TT 121/2020/TT-BTC.
32	Điều 69	Điều 68	Trách nhiệm tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý Công Ty.	<p>Bổ sung thêm: Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc có trách nhiệm báo cáo Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát trong trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các giao dịch giữa Công Ty với công ty mà các đối tượng trên là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</li> <li>- Các giao dịch giữa Công Ty với công ty trong đó người có liên quan của các đối tượng trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc/Giám đốc hoặc cổ đông lớn.</li> </ul>	Bổ sung tương ứng với Điều 299 NB 155/2020/NĐ-CP.
33	Điều 71	Điều 71	Công Ty không được cho vay dưới bất kỳ hình thức nào đối với cổ đông lớn, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Ban Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng,	Bổ sung thêm hạn chế Công Ty không được cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông (cá nhân, tổ chức).	Bổ sung tương ứng với Điều 293 NB 155/2020/NĐ-CP.



			(các) Phó Giám Đốc Chi Nhánh và người có liên quan của họ.		
34	Khoản 3 Điều 72	Khoản 3 Điều 72	Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với người có liên quan: - Có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty.	Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với người có liên quan: - Có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty; - Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản; - Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản giữa Công Ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.	Bổ sung tương ứng với Điều 167 Luật Doanh Nghiệp 2020 và Khoản 4, Khoản 5 Điều 293 NĐ 155/2020/NĐ-CP.
35	Khoản 1 Điều 75	Khoản 1 Điều 75	Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% số cổ phần phổ thông <b>liên tục trong thời hạn 06 (sáu) tháng</b> có quyền tự mình hoặc nhân danh Công Ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc.	Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công Ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc.	Sửa đổi tương ứng với Điều 166 Luật Doanh Nghiệp 2020.

**Ghi chú:** Ngoài các nội dung được liệt kê như trên, các điều chỉnh khác về cách thức bố trí, cấu trúc, câu từ và dẫn chiếu trong Dự Thảo Điều Lệ 2021 để đảm bảo rõ ràng, thống nhất về hình thức và nội dung của toàn bộ văn bản, không có sự thay đổi nội dung, ý nghĩa so với Điều Lệ 2020.